TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày: 20-7-2026

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M); Địa chỉ: Số B, phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội; *Đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn K, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Văn bản ủy quyền số 7403/2026/UQ-XLN-JUPITERMN) ngày 27-02-2026 (vắng mặt);

1.2. Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ (cũ): Số H, L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; *Đại diện hợp pháp:* Bà Đào Ngọc H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Văn bản ủy quyền số 5677/2025/UQN-PLKHCN6 ngày 06-12-2025 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Cao Thị B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp K, xã N, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2025, các văn bản tiếp theo của các nguyên đơn là Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M), (gọi tắt là Công ty M), và Ngân hàng TMCP V (V1) và tại phiên tòa, ông Nguyễn K là người

đại diện hợp pháp cho Công ty M và Bà Đào Ngọc H là người đại diện hợp pháp cho V1 trình bày và yêu cầu:

Bà Cao Thị B và V1 ký Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023, bà B vay vốn tại V1 số tiền 431.250.000 đồng.

Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô.

Lãi suất cho vay 11.5%/năm (lãi suất được tính theo năm, với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("thời gian cố định"). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh, định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số sư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, bà B ký kết với V1 Hợp đồng thế chấp số LN2305199209770 ngày 25-5-2023. Tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Stargaze, số khung: MF3NB81DEPJ019525, số máy G4FLNQ171094, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 62A-300.13, bao gồm luôn tất cả phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà Cao Thị B.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M, thì V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà B, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp mà bà B đã ký kết với V1, cụ thể là 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 15-8-2023 bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn;

Tạm tính đến ngày 20-7-2026, tổng số tiền bà B còn nợ Công ty M và V1 là 545.005.623 đồng, bao gồm: nợ gốc 372.841.000 đồng, nợ lãi 172.164.623 đồng. Trong đó: Nợ Công ty M 517.755.342 đồng, bao gồm: nợ gốc 354.198.950 đồng, nợ lãi 163.556.392 đồng; Nợ V1 27.250.281 đồng, bao gồm: nợ gốc 18.642.050 đồng, nợ lãi 8.608.231 đồng.

Yêu cầu của người khởi kiện:

1. Buộc bà Cao Thị B phải thanh toán ngay cho Công ty M và V1 số tiền 545.005.623 đồng, bao gồm: nợ gốc 372.841.000 đồng, nợ lãi 172.164.623 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026. Cụ thể: Trả cho Công ty M số tiền 517.755.342 đồng, bao gồm: nợ gốc 354.198.950 đồng, nợ lãi 163.556.392 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026; Trả cho V1 số tiền 27.250.281 đồng, bao gồm: nợ gốc 18.642.050 đồng, nợ lãi 8.608.231 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026.

2. Bà Cao Thị B còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay kể từ ngày 21-7-2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho Công ty M và V1.

3. Công ty M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là: xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Stargaze, số khung: MF3NB81DEPJ019525, số máy G4FLNQ171094, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 62A-300.13, bao gồm luôn tất cả phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà B. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoảng nợ.

4. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn chưa thanh toán hết nợ thì Công ty M và V1 có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác của bà Cao Thị B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

5. Bà Cao Thị B phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

– Tại bản tự khai ngày 14-5-2026, bị đơn là bà Cao Thị B trình bày: Bà có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần V để mua xe ô tô biển số 62A-300.13 và thế chấp tại Ngân hàng. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 442.974.311 đồng; Nếu không có tiền thì yêu cầu Ngân hàng T tài sản thế chấp.

– Vụ việc không tiến hành hòa giải tại Tòa án được do bị đơn là bà Cao Thị B được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai không có lý do.

– Ngày 20-7-2026, ông Nguyễn K đại diện hợp pháp Công ty cổ phần M và bà Đào Ngọc H đại diện hợp pháp Ngân hàng TMCP V có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là bà Cao Thị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Công ty cổ phần M (Nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP V (V1) (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Cao Thị B, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là bà Cao Thị B được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự trình bày thống nhất một phần về việc giải quyết nội dung vụ án.

Bị đơn bà Cao Thị B có lời khai trình bày thống nhất bà có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V để mua xe ô tô biển số 62A-300.13 và thế chấp tại Ngân hàng, bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 442.974.311 đồng (theo thông báo về việc thụ lý vụ án), nếu không có tiền thì yêu cầu Ngân hàng T tài sản thế chấp.

[4] Xét các yêu cầu của các nguyên đơn:

[4.1] Xét các nguyên đơn yêu cầu bà B trả cho nguyên đơn số tiền 545.005.623 đồng, bao gồm: nợ gốc 372.841.000 đồng, nợ lãi 172.164.623 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026. Cụ thể:

+ Trả cho Công ty M số tiền 517.755.342 đồng, bao gồm: nợ gốc 354.198.950 đồng, nợ lãi 163.556.392 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026;

+ Trả cho V1 số tiền 27.250.281 đồng, bao gồm: nợ gốc 18.642.050 đồng, nợ lãi 8.608.231 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026.

Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nội dung Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 giữa V1 với bà B, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M, bảng tổng hợp thông tin dư nợ ngày 20-7-2026 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên chấp nhận.

[4.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bà B tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, từ ngày 21-7-2026 cho đến khi trả hết nợ, là phù hợp với Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 giữa V1 với bà B, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M nên chấp nhận.

[4.3] Xét nguyên đơn yêu cầu: Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp. Bởi vì:

Để đảm bảo số tiền vay, bà B đã ký kết với V1 hợp đồng thế chấp số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 và Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm ngày 25-5-2023. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay: xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Stargaze, số khung: MF3NB81DEPJ019525, số máy G4FLNQ171094, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 62A-300.13, đứng tên bà B.

[4.4] Xét các nguyên đơn yêu cầu: Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn chưa thanh toán hết nợ, thì nguyên đơn có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác của bà B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ, đồng thời, yêu cầu bà B phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền, là có căn cứ chấp nhận vì phù hợp Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 giữa V1 với bà B, Hợp đồng mua bán nợ số

09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M, Hợp đồng thế chấp số LN2305199209770 ngày 25-5-2023, Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm ngày 25-5-2023 và việc bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà B có nghĩa vụ nộp trả cho các nguyên đơn 3.000.000 đồng chi phí thu thập chứng cứ, các nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà B có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn 545.005.623 đồng, nên phải chịu 25.800.225 đồng án phí dân sự sơ thẩm; các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Công ty M 10.416.512 đồng và V1 553.718 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP V (V1) đối với bà Cao Thị B.

1.1. Buộc bà Cao Thị B có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 545.005.623 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng), bao gồm: nợ gốc 372.841.000 đồng, nợ lãi 172.164.623 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026. Cụ thể:

+ Trả cho Công ty M số tiền 517.755.342 đồng, bao gồm: nợ gốc 354.198.950 đồng, nợ lãi 163.556.392 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026;

+ Trả cho V1 số tiền 27.250.281 đồng, bao gồm: nợ gốc 18.642.050 đồng, nợ lãi 8.608.231 đồng, tạm tính đến ngày 20-7-2026.

1.2. Buộc bà Cao Thị B có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 giữa V1 với bà B, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M, từ ngày 21-7-2026 đến khi trả hết nợ.

1.3. Trong trường hợp bà Cao Thị B không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP

V (V1) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Stargaze, số khung: MF3NB81DEPJ019525, số máy G4FLNQ171094, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 62A-300.13, đứng tên bà B, bao gồm luôn tất cả phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà B. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoảng nợ thuộc quyền sở hữu của bà Cao Thị B theo Hợp đồng thế chấp số LN2305199209770 ngày 25-5-2023, Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm ngày 25-5-2023 và Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M.

1.4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì bà Cao Thị B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP V (V1) theo Hợp đồng cho vay số LN2305199209770 ngày 25-5-2023 giữa V1 với bà B, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28-3-2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty M, từ ngày 28-9-2026 đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Cao Thị B có nghĩa vụ nộp trả cho các nguyên đơn là Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) và Ngân hàng TMCP V (V1) 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền này các nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

3. Về án phí:

Buộc bà Cao Thị B phải chịu 25.800.225 đồng (hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần M) 10.416.512 đồng (mười triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, năm trăm mười hai đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003087 ngày 10-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trả lại Ngân hàng TMCP V (V1) 553.718 đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm mười tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003086 ngày 10-02-2026 của của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-7-2026). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV2-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV2-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương